

TỪ XUNG HÔ TRONG THƠ TỐ HỮU

HOÀNG ĐĂNG TRI*

Abstract: The article studies the use of pronouns in To Huu's poetry. The poet uses many layers of address terms to express the diversity of relationships: between individuals, between the lyrical “self” and the community, the revolution, the leader, and the people. This strategy is a typical manifestation of interpersonal meaning because his poetry directly affects the addressee (the person receiving the words) with the forms of address and exhortation. In To Huu's poetry, the layers of pronouns not only express the relationships between lyrical characters but also articulate his revolutionary thoughts, feelings and his own artistic style..

Keywords: *forms of address, poetic language, To Huu*

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ không chỉ được coi là phương tiện giao tiếp mà là một cấu trúc quan trọng với nhiều chiều khác nhau của sự tồn tại và bản sắc con người [11]. Việc giao tiếp ngôn ngữ gồm những yếu tố như: chủ cảnh, người gửi, thông điệp, người nhận, tiếp xúc, mã [4]. Cooke [10] là một trong những người đầu tiên mô tả, nhấn mạnh tính phức tạp và đa tầng của hệ thống đại từ nhân xưng tiếng Việt. Luong [12] cho rằng các từ xưng hô tiếng Việt là một hệ thống “đại từ hoá quan hệ thân tộc”, trong đó lựa chọn đại từ luôn gắn liền với văn hoá và vị thế xã hội. Ở trong nước, Nguyễn Văn Khang [5] và Nguyễn Văn Hiệp [3] đã khảo sát sự vận động, biến đổi của từ xưng hô trong đời sống hiện đại, cho thấy chúng vừa kế thừa truyền thống, vừa phản ánh sự thích ứng với bối cảnh xã hội mới. Phạm Văn Tình [8] nghiên cứu chức năng biểu cảm của đại từ trong thơ ca. Trần Ngọc Thêm [7] nhấn mạnh tính biểu tượng văn hoá được mã hoá trong hệ thống xưng hô tiếng Việt. Kế thừa những thành tựu nghiên cứu trên, bài viết này tập trung khảo sát việc sử dụng các từ xưng hô trong thơ Tố Hữu - một tác giả tiêu biểu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Qua việc thống kê, phân loại và phân tích chức năng của từ xưng hô, nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ cách thức mà nhà thơ sử dụng hệ thống xưng hô để biểu đạt tình cảm cá nhân, xây dựng mối quan hệ đồng chí - đồng bào, cũng như chuyển tải những thông điệp mang ý nghĩa xã hội và thời đại.

2. Quan niệm về từ xưng hô

Lớp từ ngữ dùng để xưng hô luôn đóng vai trò quan trọng và là một trong những yếu tố tạo nên sự phong phú trong vốn ngôn từ của mỗi dân tộc. Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê) định nghĩa: “Xưng hô là tự xưng mình và gọi người khác là gì đó khi nói với nhau để biểu thị tính chất của mối quan hệ với nhau” [6]. Theo định nghĩa trên thì “xưng” là hành động của người nói tự quy chiếu mình (ngôi thứ 1) và “hô” là hành động người nói gọi người khác, có thể đó là người đang nói chuyện với mình (ngôi thứ 2) hoặc có thể là một người nào đó (ngôi thứ 3). Theo tác giả Diệp Quang Ban thì từ xưng hô “dùng thay thế và biểu thị các đối tượng tham gia quá trình giao tiếp (được phản ánh trong nội dung ý nghĩa của thực từ hay tổ hợp thực từ tương ứng)” [1]. Từ xưng hô là lớp từ chuyên dùng để gọi – chỉ trong giao tiếp, gồm đại từ nhân xưng và từ ngữ thân tộc, chức danh, tên riêng... được sử dụng như phương tiện xưng hô [5]. Từ xưng hô không chỉ là phạm trù ngữ pháp (đại từ nhân xưng) mà còn là phạm trù xã hội - văn hoá, phản ánh đặc điểm quan hệ tôn ti, thân - sơ, tình cảm trong cộng đồng người Việt [2].

Xưng hô thể hiện vị thế của người nói và người nghe; thể hiện thái độ, tình cảm của người nói với người nghe và người được nói tới [9]. Một cuộc thoại vẫn gặp trở ngại nếu như quan hệ liên cá nhân bị va chạm cho dù nội dung thông tin, đích, hướng là đúng đắn, khoa học, cấp thiết. Khi giao tiếp, để “xưng” (tự chỉ mình) người Việt dùng nhiều phương tiện:

- Xưng hô bằng đại từ: tôi, bạn, anh, chị, em, chúng tôi, chúng ta,...
- Xưng hô bằng tên riêng: Ví dụ: Lan còn nhớ cây táo này không?
- Xưng hô bằng từ chỉ quan hệ gia đình: ông, bà, bác, chú, cô, thím, anh, chị, em,...
- Xưng hô bằng các từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ: giáo sư, thầy giáo, bác sĩ, giám đốc,...

* Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: trihdttkt@vnu.edu.vn

- Xưng hô bằng các từ chỉ quan hệ xã hội: bạn, cậu (tớ),...

Có thể thấy, tiếng Việt có hệ thống từ ngữ xưng hô quá phong phú, tinh tế và mang nhiều sắc thái biểu cảm.

3. Ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu

- *Ngữ liệu*: Các tập thơ của Tố Hữu chọn để khảo sát trong bài viết gồm: *Từ ấy* (1946); *Việt Bắc* (1954); *Gió lộng* (1961); *Ra trận* (1972); *Máu và hoa* (1977); với tổng số 245 bài thơ được trích từ Toàn tập thơ Tố Hữu, Nhà xuất bản Văn học năm 2011.

- *Phương pháp nghiên cứu*:

+ Phương pháp phân tích diễn ngôn: nghiên cứu thơ trong môi liên hệ đa chiều giữa thơ và người sáng tác, người tiếp nhận với ngữ cảnh, môi trường giao tiếp, môi trường tồn tại của thơ, từ đó thấy chức năng liên nhân (interpersonal function) thể hiện trong thơ.

+ Thủ pháp thống kê: được dùng để thống kê các cặp từ xưng hô với tần số xuất hiện và ngữ cảnh xuất hiện của các từ xưng hô trong các tập thơ.

4. Kết quả nghiên cứu

Từ xưng hô hiểu theo từ điển thì “xưng” là tự xưng mình và “hô” là gọi người khác là gì đó khi nói với nhau để biểu thị tính chất của mối quan hệ với nhau. Trong tiếng Việt, đại từ nhân xưng được phân thành ba ngôi chính:

Ngôi thứ nhất: (chỉ người nói): *tôi, ta, tớ, mình, bọn mình, chúng ta, chúng tôi, chúng ta.*

Ngôi thứ hai: (chỉ người đang giao tiếp cùng): *bạn, cậu, mày, anh, chị.*

Ngôi thứ ba: (chỉ người không tham gia giao tiếp): *nó, anh ta, hắn, y, bọn ấy, cô ấy, bạn ấy, anh ấy.*

Xưng hô trong giao tiếp là phương thức kết nối người nói với người nghe. Từ xưng hô thể hiện vị thế của người nói và người nghe, thể hiện thái độ, tình cảm của người nói với người nghe và người/đối tượng được nói tới ở ngôi 3. Từ xưng hô trong tiếng Việt rất phong phú, không chỉ có đại từ nhân xưng như *tao, chúng tao* (ngôi 1), *mày/bay, chúng mày/bay* (ngôi 2), *nó, họ, chúng nó, hắn, y* (ngôi 3), *ta/mình, chúng ta/ chúng mình* (ngôi bao gồm cả cả người nói và người nghe) mà còn có các danh từ chỉ quan hệ họ hàng như *anh, chị, em, bố, mẹ, ông, bà, chú, bác, cô, dì...* và các danh từ chỉ chức vụ như *thủ trưởng, giám đốc, thủ tướng, chủ tịch, bí thư...*, chỉ nghề nghiệp như *thầy giáo, cô giáo...* thậm chí còn có cả danh từ chỉ sự vật được dùng thay thế cho người vận hành nó như *xích lô, tắc xi...* Nhờ sự phong phú này mà từ xưng hô tiếng Việt giàu sắc thái biểu cảm: nó chỉ rõ quan hệ trên - dưới, thân - sơ, tình cảm yêu - ghét, thái độ tôn trọng - coi thường vô cùng tinh tế.

Trong thơ Tố Hữu, xưng hô thể hiện ở lời đối thoại trực tiếp và lời đối thoại gián tiếp. Lời trực tiếp thường hướng tới đối tượng đang hiện diện trước mắt còn lời đối thoại gián tiếp thường là sự hồi tưởng. Như vậy, xưng hô nhằm mục đích tạo tính liên nhân. Trực tiếp hay gián tiếp thì xưng hô cũng là một phương thức biểu đạt tình cảm và truyền tải nội dung thông điệp cho thơ. Vì vậy mà trong thơ, Tố Hữu đã sử dụng triệt để các phương tiện xưng hô nhằm tạo hiệu quả liên nhân. Xưng hô trong giao tiếp thể hiện văn hoá của người Việt. Người Việt có truyền thống “xưng khiêm hô tôn” giữa cách xưng hô trong thơ với cách nhà thơ tổ chức ngôn từ đều thể hiện những dụng ý nhất định. Thống kê 245 bài thơ được trích từ Toàn tập thơ Tố Hữu chúng tôi nhận thấy có các cặp từ xưng hô như sau:

Bảng 1. Thống kê cặp từ xưng hô trong thơ Tố Hữu

TT	Từ xưng hô	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Anh - em	265	32,1
2	Chị - em	54	6,5
3	Tôi - đồng chí	309	37,4
4	Tao/chúng tao - Mày/chúng mày/bay/tụi bay	30	3,6
5	Má/mẹ/bà mẹ/bầm - con	115	13,9
6	Bác/Bác Hồ/người/ông Ké - Con/Chúng con	30	3,6
7	Đồng chí - đồng bào, bà con	23	2,8

Trong thơ Tố Hữu, từ xưng hô thể hiện ở lời đối thoại trực tiếp và gián tiếp. Lời đối thoại trực tiếp thường hướng tới đối tượng đang hiện diện trước mặt còn lời đối thoại gián tiếp thường là sự hồi tưởng. Cách xưng hô được dùng phù hợp trong từng hoàn cảnh, phù hợp với văn hoá của người Việt đồng thời làm nổi bật được tình nghĩa quân dân trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Những từ xưng hô phong phú thể hiện đối tượng giao tiếp của nhà thơ vô cùng đa dạng, nhà thơ tương tác với mọi người, mọi vật để cảm xúc tuôn trào, bung tỏa, lời cuốn tiếp ngôn.

Cặp từ xưng hô *anh - em* đã được nhà thơ Tố Hữu sử dụng để thể hiện mối quan hệ liên nhân mang tính thân tộc.

Anh mới hiểu: càng ngậm ngùi khổ tủi / Càng dày thêm uất hận của lòng ta / Nuôi đi em, cho đến lớn, đến già / Mầm hận ấy trong lồng xương ống máu. (Đi đi em - Tố Hữu)

Anh - em trong câu thơ trên đại diện cho người chiến sĩ cách mạng với nhân dân. Từ cách hô gọi có tính thân tộc này, Tố Hữu đã tạo nên mối quan hệ liên nhân thân tình, nó thôi thúc những người *em* đi theo tiếng gọi cách mạng.

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét / Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng. (Tâm tư trong tù - Tố Hữu)

Bề ngoài là xưng hô nam - nữ trong tình yêu đôi lứa, bên trong: không chỉ nói về tình cảm cá nhân mà còn ẩn dụ cho tình đồng chí, tình gắn bó giữa những người cùng chung lí tưởng cách mạng. Câu thơ *Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét* sử dụng phép so sánh độc đáo, mạnh mẽ, khẳng định nỗi nhớ là tất yếu, không thể ngăn cản, tự nhiên như quy luật thời tiết. Gọi sự da diết, mãnh liệt của tình cảm cách mạng. Cặp *anh - em* ở đây không chỉ là tình riêng mà là biểu tượng của sự gắn bó máu thịt giữa người chiến sĩ và nhân dân, giữa cái tôi và cái ta.

Tố Hữu đã khéo léo chuyển hoá tình cảm cá nhân thành tình cảm chính trị, làm cho cái riêng chan hòa trong cái chung. Cặp từ *anh - em* trong đoạn thơ này vừa mang chất trữ tình đời thường, vừa giàu tính lí tưởng. Nó thể hiện rõ phong cách Tố Hữu: trữ tình chính trị, nơi tình yêu lứa đôi hòa quyện với tình yêu đồng chí, yêu cách mạng.

Trong bài thơ *Việt Bắc*, Tố Hữu sử dụng linh hoạt cặp từ xưng hô: *Mình về mình có nhớ ta / Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng... / Ta với mình, mình với ta / Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh.*

Tuy ở đây là *mình - ta*, nhưng trong nhiều đoạn khác, Tố Hữu cũng dùng *anh - em* với cùng tinh thần gắn bó, tiêu biểu là khi nhân dân và cán bộ cách mạng nhắn gửi nhau:

Ai lên mình gửi cho anh với nàng / / Áo em thêu chỉ biếc hồng / / Bác Hồ thêm khoẻ, cuộc đời càng vui! (Việt Bắc - Tố Hữu)

Cách dùng cặp từ xưng hô *anh - em* trong *Việt Bắc* gắn với tình cảm thủy chung giữa cán bộ cách mạng và đồng bào Việt Bắc. Nổi nhớ ở đây không chỉ là lứa đôi, mà mở rộng ra: nỗi nhớ gắn bó máu thịt, tình cảm cách mạng - nhân dân. *Anh - em* không còn giới hạn ở đôi lứa như trong *Từ ấy* mà được nâng lên thành biểu tượng cho tình quân dân, tình đồng bào keo sơn. Đây là sự phát triển trong phong cách Tố Hữu: tình cảm riêng - tình cảm chung hòa quyện, cái riêng chỉ là điểm tựa để làm sáng lên cái chung. Nhìn vào bảng 2 để thấy rõ việc sử dụng cặp từ xưng hô *anh - em* linh hoạt trong hai tập thơ của Tố Hữu:

Bảng 2. Cặp từ xưng hô “anh - em” trong hai tập thơ của Tố Hữu

Tiêu chí	Từ ấy	Việt Bắc
Cặp xưng hô <i>anh - em</i>	Chủ yếu gọi tình yêu đôi lứa, được lí tưởng hoá thành tình đồng chí	Xuất hiện trong sự hoà quyện quân - dân, nhân dân - cách mạng
Nổi nhớ	Da diết, bùng cháy, thiên về cá nhân	Đằm thắm, thủy chung, thiên về cộng đồng
Ý nghĩa	Biểu tượng của tình yêu cách mạng trong tuổi trẻ	Biểu tượng của tình cảm gắn bó máu thịt giữa cách mạng và nhân dân

Cặp từ xưng hô biểu hiện trực diện sắc thái căm thù đối với giặc là *tao/chúng tao - mày/chúng mày/tụi bay*. Lời xưng hô mang màu sắc biểu cảm rất rõ nét.

Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó! / Cướp nước tao, cắt cổ dân tao! / Tao già không sức cầm dao / Giết bay, có các con tao trăm vùng! (Bà má Hậu Giang - Tố Hữu)

Cặp xưng hô *tao - bay, tao - tụi bay* vừa thể hiện vị thế bề trên của những bà mẹ Việt Nam trước kẻ thù vừa thể hiện sắc thái khinh bỉ đối với kẻ thù. Chúng đã cướp nước ta, dày xéo dân ta cho nên tư thế hiên ngang của người mẹ Việt Nam đã được thể hiện qua cách xưng hô đồng dạng đó. Người mẹ tuy *Tao già không sức cầm dao*, vẫn thể hiện tinh thần bất khuất: *Giết bay, có các con tao trăm vùng!*. Cặp từ xưng hô trong đoạn thơ thể hiện lập trường rõ ràng: giữa nhân dân và kẻ thù, khơi dậy tinh thần đấu tranh, ý chí quật cường từ ngôn ngữ bình dân, tạo sự đồng cảm mạnh mẽ với độc giả.

Cho lũ bay rình, giương mắt trông: / Cu-ba đây, chổi ngọn cờ hồng... (Bà má Hậu Giang - Tố Hữu)

Cách xưng hô tuy không trực tiếp nói *tao - tụi bay* nhưng vẫn lộ rõ tinh thần đối kháng bằng từ *lũ bay* - gần tương đương với *tụi bay*. *Lũ bay* thay cho *tụi bay* đều là cách nói của người dân với sắc thái mộc mạc, thô nhưng rất sinh động, dễ hiểu, gần gũi. Cách dùng này giúp thơ Tố Hữu chạm vào tâm lý quần chúng, làm cho cảm xúc dân tộc trở nên cấp thiết và sống động hơn. Thay vì né tránh, lời thơ trực tiếp thách thức kẻ thù: *Cho lũ bay rình* → hàm chứa cả sự tự tin và lời cảnh cáo rõ ràng. Sự vững chãi của ngôn từ làm nổi bật chiến thắng tinh thần của dân tộc không chỉ bằng vũ trang mà còn bằng ngữ khí kiên cường.

Cặp từ xưng hô *mẹ/má/bầm/ - con*. Những cặp xưng hô này có màu sắc thân tộc rõ nét, đó là mối quan hệ liên nhân giữa những người trong cùng một gia đình đã được sử dụng để thể hiện cho tình quân dân. Mỗi câu thơ đều thể hiện sự đoàn kết, quyết tâm đánh giặc.

Bầm ơi, sớm sớm chiều chiều / Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm nghe! / Con đi trăm núi ngàn khe / Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm. (Bầm ơi - Tố Hữu)

Mẹ ơi đừng giận đừng trông / Ở đây chiến đấu, con không thể về. (Bài ca người du kích - Tố Hữu)

Cách xưng hô *bầm - con, mẹ - con* trong những câu thơ của Tố Hữu vừa cho thấy mối liên nhân của gia đình vừa cho thấy tình cảm cách mạng. Sự xưng hô này cho thấy mối đoàn kết quân dân và động lực để những đứa con chiến đấu. Tình đất nước, tình gia đình hòa vào làm một.

Má ơi, đừng khóc, đừng buồn / Có con, có Đảng, có nguồn tin yêu. (Má Hậu Giang - Tố Hữu)

Cặp *má - con* mang hơi thở Nam Bộ, rất đời thường. Lời thơ là tiếng an ủi, hứa hẹn, khẳng định niềm tin của người con cách mạng đối với má - cũng chính là nhân dân miền Nam.

Con đi đánh giặc mấy năm / Mẹ già cũng quyết bám thôn, giữ làng. (Mẹ Tom - Tố Hữu)

Cặp *mẹ - con* gắn với hình ảnh người mẹ Tom dũng cảm, nuôi giấu cán bộ. Đây là hình tượng “bà mẹ anh hùng”, vừa là mẹ ruột, vừa là “mẹ chung” của cách mạng.

Mẹ/má/bầm không chỉ là người mẹ riêng của thi nhân, mà còn là hình tượng hoá thân của Tổ quốc - người mẹ lớn sinh ra, nuôi dưỡng, che chở những người con ra trận. Người mẹ trong thơ Tố Hữu là hiện thân của đức hi sinh, của sự kiên cường bất khuất trong chiến đấu. Đồng thời là cội nguồn tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho thế hệ cách mạng.

Cách dùng từ xưng hô *con* của nhà thơ Tố Hữu trong đoạn thơ sau rất trù mẫn.

Bác kêu con đến bên bàn

Bàn tay con nắm tay cha

Bác ngồi Bác viết nhà sàn đơn sơ

Bàn tay Bác ắm vào da vào lòng.

Con bỏ câu trổng ngây thơ

Bác ngồi đó, lớn mệnh mông

Nó đi tìm thóc quanh bờ công vấn

Trời xanh biển rộng ruộng đồng nước non...

Lát rồi, chim nhé, chim ần

Bác Hồ, cha của chúng con

Bác Hồ còn bận khách vấn đến nhà.

Hồn của muôn hồn.

(Sáng tháng Năm - Tố Hữu)

Nhà thơ Tố Hữu đã dùng trọn vẹn cặp từ xưng hô *Bác Hồ - con* để biểu đạt sự lớn lao mà gần gũi của vị lãnh tụ cách mạng. Nó rất có hiệu quả trong việc thể hiện tình cảm quân dân gắn bó, củng cố niềm tin cho con người.

Bác đưa ta đến trời Tây / Nghe Bác mà ngỡ như đây cạnh mình / Chúng con nay lại theo chân Bác / Tiến bước lên đường, ánh sáng soi. (Theo chân Bác - Tố Hữu)

Cặp *Bác - chúng con* gắn liền với hành trình cách mạng, thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự dẫn dắt của Người.

Bác ơi, tìm Bác ngừng đập rồi / Trời xanh là của chúng con đây / Nước mắt tràn dâng, con khóc Bác / Nghe Bác gọi về trong gió lay. (Bác ơi! - Tố Hữu)

Cặp *Bác - con* lúc này mang âm hưởng bi thương, tiếc nhớ, không chỉ là tiếng khóc riêng của Tố Hữu mà còn là nỗi đau chung của cả dân tộc. *Bác* không phải là lãnh tụ xa cách, mà như người cha già dân tộc, là nguồn sáng soi đường. *Con/chúng con* là đại diện cho thế hệ cách mạng, cho toàn dân Việt Nam. Nhà thơ viết bằng ngôi xưng cá nhân *con* nhưng đồng thời cũng thay mặt cho tập thể *chúng con*. Cách xưng hô thể hiện niềm tin tưởng tuyệt đối, tình yêu thương sâu nặng và lòng trung thành của nhân dân. Cách xưng hô như vậy làm cho thơ Tố Hữu vừa có tính tự sự, tâm tình, vừa có tính cộng đồng, lịch sử.

Nếu cặp từ *anh - em* gọi tình cảm ruột thịt, cặp từ *mẹ - con* gọi tình mẫu tử, thì cặp từ *tôi/ta/chúng tôi/chúng ta - đồng chí* lại làm nổi bật tình gắn bó trong chiến đấu, tinh thần đoàn kết cách mạng. Những cặp từ xưng hô *tôi/ta/chúng tôi/chúng ta - đồng chí* thường xuyên được Tố Hữu sử dụng trong nhiều câu thơ. Ngay cách gọi tên cũng phản ánh sự đồng chí hướng của những người cùng chiến hào. Đây cũng là cặp từ xưng hô tiêu biểu nhất cho tinh thần kháng chiến. Lời đối thoại gồm cả lời trực tiếp và lời gián tiếp.

Xuông ai đó, bơi trong lau lách

Áo bà ba, súng nách, tay chèo?

Hỡi đồng chí dọc ngang sông rạch

Hãy cho hồn ta ruổi ruổi theo!

(*Có thể nào yên - Tố Hữu*)

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

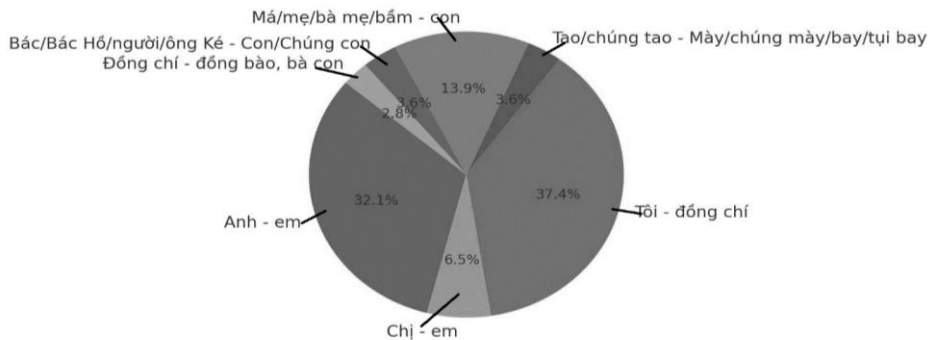
(*Từ ấy - Tố Hữu*)

Ở đây, tác giả xưng *tôi* là cái *tôi trữ tình - cái tôi cộng sản*, vừa cá nhân, vừa đại diện cho thế hệ thanh niên giác ngộ lí tưởng. *Tôi* không đơn độc, mà ngay sau đó chuyển hoá thành cái *chúng ta* - tập thể cách mạng, những đồng chí cùng lí tưởng.

Ta đi tới, không gì ngăn nổi / Đồng chí ta ơi, hãy nắm tay... (Lên đường - Tố Hữu)

Ở đây, *Tôi* (cái *tôi* cá nhân) → *ta, chúng ta* (cái *tôi* hòa nhập tập thể). Ngôi *ta* không còn là cá nhân, mà là chúng ta - tập thể người cách mạng. Cách gọi *Đồng chí ta* vang lên như lời hiệu triệu, gắn bó trong cùng chí hướng. Đây là đặc trưng lớn của thơ Tố Hữu: cái *tôi* trữ tình cộng đồng. Người chiến sĩ cộng sản không tồn tại đơn lẻ, mà gắn chặt với đồng chí, đồng đội, nhân dân. Cách gọi *đồng chí* vừa bình dị, vừa trang trọng. Nó thể hiện sự bình đẳng, cùng chung lí tưởng và mục tiêu giải phóng dân tộc. Trong thơ, *đồng chí* thường gắn với những hình ảnh gian lao, hy sinh, song cũng rực sáng niềm tin. Khi là *tôi - đồng chí* - lời tâm sự, chia sẻ thân thành. Khi là *chúng ta - đồng chí*: lời kêu gọi, đoàn kết chiến đấu. Điều này làm cho thơ Tố Hữu vừa có chất trữ tình sâu lắng, vừa giàu sức mạnh chính trị - hành động.

Từ số liệu thống kê và phân tích ở trên, bài viết tổng hợp thành sơ đồ thể hiện tỉ lệ các cặp từ xưng hô trong thơ Tố Hữu như sau:



Sơ đồ 1. Tỉ lệ các từ xưng hô trong thơ Tố Hữu

Kết quả thống kê cho thấy, trong hệ thống từ xưng hô mà Tố Hữu sử dụng, nổi bật nhất là cặp *tôi - đồng chí* với 309 lần xuất hiện (chiếm 37,4%). Điều này phản ánh rõ nét đặc trưng thơ Tố Hữu: cái “*tôi*” trữ tình luôn gắn liền với cái “*chúng ta*” cộng đồng, đặc biệt là hình tượng “*đồng chí*”, biểu tượng

cho tình đồng đội, đồng lòng trong kháng chiến. Tiếp đó là cặp *anh - em* với 265 trường hợp (32,1%), thể hiện sự thân mật, gắn bó tình cảm, vừa có sắc thái cá nhân vừa mở rộng thành quan hệ đồng chí, đồng bào. Nhóm *má/mẹ/bà mẹ/bầm - con* xuất hiện 115 lần (13,9%), cho thấy cảm hứng gia đình, tình mẫu tử và hình tượng “mẹ Việt Nam” giàu sức gọi. Các cặp xưng hô còn lại như *chị - em* (6,5%), *tao - mày* (3,6%), *Bác Hồ - con* (3,6%) và *đồng chí - đồng bào* (2,8%) tuy ít hơn nhưng vẫn có giá trị đặc biệt. Chúng góp phần khắc họa đa dạng giọng điệu thơ: từ thân mật, ruột thịt, đến trang trọng, thiêng liêng, hoặc quyết liệt, đối kháng. Như vậy, hệ thống từ xưng hô trong thơ Tố Hữu không chỉ mang chức năng giao tiếp mà còn là phương tiện nghệ thuật, góp phần xây dựng cái “tôi” trữ tình cách mạng, gắn bó cá nhân với cộng đồng và dân tộc.

Nếu làm một phép so sánh nhỏ với thơ ca văn học trung đại, sẽ thấy hệ thống từ xưng hô trong thơ Tố Hữu tính liên nhân được bộc lộ cao nhất. Chẳng hạn như bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan, cũng mang cảm hứng nhớ nước, thương nhà nhưng trong suốt bài thơ không hề xuất hiện một đại từ nhân xưng hay một từ thể hiện sự xưng hô nào (*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà / ỏ cây chen lá đá chen hoa / Lom khom dưới núi tiêu vài chú / Lác đác bên sông chợ mấy nhà / Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc / Thương nhà mỗi miếng cái gia gia.*). Vì thế cho nên sợi dây liên nhân không được biểu hiện rõ nét. Trong khi nhà thơ hiện đại Tố Hữu, bằng việc sử dụng các từ xưng hô thì hiệu quả giao tiếp giữa nhà thơ và tiếp ngôn rất cao.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng lớp từ xưng hô trong thơ Tố Hữu được thể hiện bằng hình thức thơ mang cảm hứng sử thi. Việc sử dụng cặp từ xưng hô cũng thể hiện những dụng ý nghệ thuật của tác giả. Lớp từ xưng hô đóng vai trò vô cùng quan trọng, không chỉ thể hiện mối quan hệ giữa các nhân vật trữ tình mà còn góp phần thể hiện tư tưởng, tình cảm cách mạng và phong cách nghệ thuật riêng của ông. Xưng hô trong thơ Tố Hữu đã thực sự trở thành một phương thức để thể hiện thông điệp thơ một cách rất hiệu quả, để gửi gắm tình cảm cách mạng đến người đọc.

Kết quả nghiên cứu này vừa có ý nghĩa lí luận vừa có ý nghĩa thực tiễn, giúp chúng ta hiểu rõ ràng giá trị của ngôn ngữ thơ và vai trò của nhà thơ trong việc tạo ra những lời thơ tác động mạnh mẽ đến công chúng, những lời thơ thép - vũ khí sắc bén truyền bá tư tưởng cách mạng tiến bộ đến nhân dân, kêu gọi nhân dân đồng lòng phấn đấu vì mục tiêu cao đẹp của dân tộc, của nhân loại. Điều đó minh chứng con đường của thơ là từ trái tim đến khối óc và hành động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban. *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục. 2005.
2. Nguyễn Thiện Giáp. *Dẫn luận ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục, Hà Nội. 2004.
3. Nguyễn Văn Hiệp. *Xưng hô trong tiếng Việt: Ngữ pháp, ngữ dụng và văn hoá*. NXB ĐHQG Hà Nội. 2005.
4. Jakobson. *Ngôn ngữ học và thi học*. Tạp chí ngôn ngữ số 4. 2001.
5. Nguyễn Văn Khang. *Ngôn ngữ học xã hội: Những vấn đề cơ bản*. NXB Khoa học xã hội. 1999.
6. Hoàng Phê. *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng. 2018.
7. Trần Ngọc Thêm. *Cơ sở văn hoá Việt Nam* (tái bản, chỉnh lí và bổ sung). NXB Giáo dục Việt Nam. 2015.
8. Phạm Văn Tình. *Ngôn ngữ và đời sống* (tuyển tập các bài nghiên cứu và tiểu luận ngôn ngữ). NXB Từ điển Bách khoa. 2010.
9. Hoàng Đăng Trị. *Chức năng tác động của ngôn ngữ thơ*. Luận án Tiến sĩ ngôn ngữ học. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2022.

Tiếng Anh

10. Cooke, Joseph R. *Pronominal Reference in Thai, Burmese, and Vietnamese*. University of California Press. 1968.
11. Lok Raj Sharma. *Unveiling the Power of Poetic Language: A Creative Exploration*, International Journal of English, 1-12. 2025.
12. Luong, Hy Van. *Discursive Practices and Linguistic Meanings: The Vietnamese System of Person Reference*. Amsterdam: John Benjamins. 1990.
13. Prerna Raj. *Perspectives on Poetic Language Construction of Identity through Language*, Journal of The Creative Launcher, 82-89. 2023.